

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNN&PTNT-QLXDCT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và dự toán hạng mục công trình nông nghiệp và PTNT, dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Xây dựng

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số 5788/SXD-HĐXD ngày 18/9/2020 của Sở Xây dựng (kèm theo hồ sơ) đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở và dự toán hạng mục công trình nông nghiệp và PTNT (kè sông, bậc bển thuyền), dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Ban hành định mức xây dựng; Số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 Hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa;

*Căn cứ Công văn số 10027/UBND-NN ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hoá;*

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở và dự toán hạng mục công trình nông nghiệp và PTNT (kè sông, bậc bèn thuyền), dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:**

1. Tên hạng mục công trình: Kè sông, bậc bèn thuyền thuộc dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND thành phố Thanh Hóa.

5. Địa điểm xây dựng: Trên tuyến đê hữu sông Mã thuộc phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.

6. Dự toán chi phí xây dựng trình thẩm định: 11.627.437.993 đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, vốn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác (theo Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

8. Diện tích sử dụng đất: Hạng mục công trình nằm trong phạm vi sử dụng đất của dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.

9. Thời gian thực hiện: Không quá 3 năm (2019 - 2021).

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

Các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam:

- Tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thành phần, nội dung lập Báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư và Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi;

- TCVN 4116-85: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 8218:2009 Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8419:2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ;
- TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;
- TCVN 8422:2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế tầng lọc ngược công trình thủy công;
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9165:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;
- TCVN 9902:2016 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;
- TCVN 10335:2014 Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật;
- Quyết định số 606/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/3/2013 về việc phân loại phân cấp các tuyến đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

11. Nhà thầu lập thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng hạng mục công trình: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư phát triển Bắc Sông Mã.

## **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN:**

### 1. Văn bản pháp lý:

- Nghị quyết 167/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa;
- Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt mẫu phác thảo tượng đài bước 2 thuộc Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hoá;
- Các Quyết định Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa về dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa: Số 5600/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và chỉ định thầu tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500; Số 5414/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Số 6533/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết

tỷ lệ 1/500; Số 7530/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát thiết kế bước lập dự án đầu tư xây dựng; Số 8040/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu và chỉ định đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế bước lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Công văn số 6029/UBND-TNMT ngày 14/11/2019 của UBND thành phố Thanh Hóa;

- Công văn số 404/PCTT-QLĐĐ ngày 07/5/2020 của Tổng cục Phòng, chống thiên tai về việc phương án thiết kế của dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hoá;

- Công văn số 10027/UBND-NN ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hoá;

- Tờ trình số 917/TTr-UBND ngày 16/9/2020 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hoá.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

- Thuyết minh thiết kế cơ sở;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở;
- Thuyết minh tính toán; phụ lục chiết tính khối lượng;
- Tài liệu khảo sát: Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng; Báo cáo khảo sát địa chất, kết quả thí nghiệm khảo sát địa chất;
- Dự toán xây dựng hạng mục công trình.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, lập dự án và thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh: Chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

### **III. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ:**

1. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

1.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình: Cấp III;
- Hệ số ổn định cho phép:  $[K] = 1,25$ ;
- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè:  $P = 95 \%$ ;

- Mức nước lũ lớn nhất thiết kế kè: (+5.41) m.

## 1.2. Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Lý trình thiết kế		K0 ÷ K0+179,6
	(Tương ứng lý trình đê hữu sông Mã)		(K40+581 ÷ K40+742)
2	Chiều dài đoạn tuyến thiết kế	m	179,6
3	Mức nước lũ lớn nhất thiết kế kè	m	(+5.41)
4	Mức nước kiệt P = 95% tại K39+350	m	(-0.87)
5	Cao trình đỉnh kè thiết kế	m	(+4.50)
6	Cao trình đỉnh lăng thể tựa chân kè	m	(0.00)
7	Chiều rộng đỉnh lăng thể tựa chân kè	m	7
8	Hệ số mái kè		2,0
9	Hệ số mái đồng đá hộ chân kè		2,0

## 2. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

2.1. Nội dung đầu tư: Làm mới tuyến kè chống sạt lở nối tiếp 2 đoạn kè hiện có (tương ứng từ K40+581 ÷ K40+742 theo lý trình đê hữu sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa) với tổng chiều dài 179,6 m (bao gồm cả bên tả hoa đăng và bên lên miếu thờ).

2.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu: Kè chống sạt lở theo hình thức kè lát mái hộ chân, kết hợp tường đứng phía đỉnh kè, cụ thể như sau:

a) Chân kè: Tại cao trình (0.00) m, kiểu chân kè sâu, gia cố bằng 2 hàng cọc bê tông cốt thép (BTCT) M300, kích thước cọc (0,3x0,3x12) m, khoảng cách giữa 2 cọc trong 1 hàng là 2,7 m, khoảng cách giữa 2 hàng cọc là 1 m; đỉnh các cọc được liên kết bằng dầm BTCT dọc theo tuyến kè, thiết diện dầm (BxH) = (2x0,5) m. Gia cố bảo vệ phía ngoài dầm chân kè bằng lăng thể đá hộ thả rỏi có hệ số mái  $m = 2$ , mặt trên được phủ bằng rọ đá hộ, kích thước rọ (2x1x0,5) m.

b) Mái kè: Mái sông hiện trạng phạm vi từ cao trình chân kè lên đến đỉnh kè được bù phụ, tạo phẳng bằng đá hộ chèn chặt đảm bảo hệ số mái  $m = 2$  trước khi gia cố mái kè theo thiết kế, cụ thể như sau:

- Đoạn từ K0 ÷ K0+50,6 dài 50,6 m (thuộc phạm vi bên tả hoa đăng) và từ K0+69,2 ÷ K0+79,2 dài 10 m (thuộc phạm vi bên lên miếu thờ): Mái kè là bậc lên xuống có bản trượt bằng BTCT dày 12 cm đổ liền khối với hệ dầm, cọc BTCT dọc tuyến (đỉnh dầm tại các cao trình (+1.10) m, (+3.35) m, (+4.50) m); mỗi dầm được đặt trên 1 hàng cọc đỡ bằng BTCT M300, kích thước cọc

(0,3x0,3x12) m, khoảng cách giữa 2 cọc là 2,7 m.

- Đoạn từ K0+50,6 ÷ K0+69,2 dài 18,6 m và đoạn từ K0+79,2 ÷ K0+179,6 dài 100,4 m: Gia cố mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn, kích thước (40x40x16) cm, trong khung ô được tạo bởi các dầm BTCT ngang và dọc mái kè; phía dưới cấu kiện là lớp đá (1x2) dày 10 cm và lớp vải địa kỹ thuật.

c) Đỉnh kè: Tại cao trình (+4.50) m, kết cấu là tường chắn đất trọng lực bằng BTCT; móng tường được gia cố bằng 2 hàng cọc BTCT M300, kích thước cọc (0,3x0,3x12) m, khoảng cách giữa 2 cọc trong 1 hàng là 2,7 m, khoảng cách 2 hàng cọc là 1 m; phía sau đỉnh tường (phía đồng) là hành lang rộng 5 m bằng bê tông thường; chân tường bố trí hệ thống thoát nước giảm áp; đất đắp hoàn thiện sau lưng tường được đầm nện đảm bảo độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,95$ .

*(Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết các hạng mục thể hiện trong hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).*

## **V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH:**

### 1. Thiết kế cơ sở:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến: Hạng mục công trình kè sông, bậc bến thuyền thuộc dự án trên được xây dựng trên tuyến hiện có, phù hợp với Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (hợp phần sông Mã); phù hợp với tổng mặt bằng được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị tại Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 04/4/2019;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực: Thiết kế cơ sở phù hợp với vị trí, địa điểm xây dựng, đảm bảo kết nối đồng bộ với các công trình hiện có;

- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ: Dự án không có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Phù hợp;

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn sử dụng trong dự án là phù hợp với quy định hiện hành;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế: Đảm bảo yêu cầu;

- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở: Phù hợp.

## 2. Dự toán:

a) Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư xây dựng với đặc điểm, tính chất, yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của dự án: Phù hợp.

b) Kiểm tra sự đầy đủ của các khối lượng sử dụng để xác định tổng mức đầu tư xây dựng; sự hợp lý, phù hợp với quy định, hướng dẫn của nhà nước đối với các chi phí sử dụng để tính toán, xác định các chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: Các khối lượng chủ yếu sử dụng để xác định tổng mức đầu tư phù hợp với thiết kế cơ sở; việc áp dụng định mức, đơn giá và các chế độ chính sách trong tổng mức đầu tư cơ bản phù hợp với các quy định hiện hành.

c) Xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng sau khi thực hiện thẩm định, phân tích nguyên nhân tăng, giảm và đánh giá việc bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án theo giá trị tổng mức đầu tư xây dựng xác định sau thẩm định:

- Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm định: 9.181.517.000 đồng (*Chín tỷ, một trăm tám một triệu, năm trăm mười bảy nghìn đồng*)

*Trong đó:*

Đơn vị: đồng

<b>Nội dung chi phí</b>	<b>Giá trị trình thẩm định</b>	<b>Giá trị thẩm định</b>	<b>Chênh lệch</b>
Chi phí xây dựng	11.627.437.993	9.181.517.000	-2.445.920.993

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

- Nguyên nhân tăng/giảm chi phí đầu tư: Một số đơn giá, định mức đơn vị tư vấn lập chưa phù hợp, cơ quan thẩm định đã chỉnh sửa cho phù hợp với chế độ và quy định hiện hành;

- Đánh giá việc bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án theo giá trị tổng mức đầu tư xây dựng xác định sau thẩm định: Quy mô, giải pháp kỹ thuật và tổng mức đầu tư xây dựng đã được xác định sau thẩm định đảm bảo hiệu quả đầu tư.

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

- Các tài liệu phục vụ thiết kế: Đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính đúng đắn, chính xác của các tài liệu khảo sát địa hình, địa chất (theo Báo cáo khảo sát địa chất trong hồ sơ trình thẩm định, tài liệu địa chất phục vụ thiết kế tuyến kè chỉ có duy nhất hồ khoan ký hiệu HK8 tại vị trí Tượng đài nữ sinh, thuộc khu vực ngoài đê); khí tượng, thủy văn phục vụ công tác thiết kế; các cự ly, cung đường, cấp, loại đường vận chuyển của vật liệu đất đắp, cầu kiện từ bãi đúc đến công trình, phế thải ra bãi thải, tài liệu pháp lý mỏ vật liệu đất đắp;

- Giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, đề nghị chủ đầu tư chỉ đạo nhà thầu tư vấn thiết kế thực hiện các nội dung công việc sau:

+ Bổ sung đầy đủ tài liệu khảo sát địa hình, địa chất tuyến kè phục vụ bước

lập thiết kế bản vẽ thi công theo các quy định hiện hành; trên cơ sở tài liệu bổ sung, tính toán, kiểm tra ổn định mái kè, kết cấu chân kè, tường chắn đỉnh kè; diễn toán xác định chủng loại, kích thước, chiều sâu, mật độ cọc BTCT gia cố móng công trình đảm bảo ổn định bền vững theo nhiệm vụ thiết kế. Rà soát, bố trí hình thức chuyển tiếp đầu, cuối tuyến kè với công trình kè hiện có phía thượng, hạ lưu đảm bảo trơn thuận, ổn định; bổ sung biện pháp thoát nước giảm áp phạm vi các bậc lên xuống, tính toán chiều dày bản trượt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Kết quả tính toán, lựa chọn giải pháp kỹ thuật phải được đơn vị tư vấn có năng lực kinh nghiệm trong lĩnh vực đề điều thẩm tra theo yêu cầu của Tổng cục Phòng, chống thiên tai tại Công văn số 404/PCTT-QLĐĐ ngày 07/5/2020;

+ Lập biện pháp tổ chức thi công chi tiết đảm bảo kỹ thuật, kinh tế;

- Thiết kế cơ sở và dự toán hạng mục công trình nông nghiệp và PTNT (kè sông, bậc bến thuyền), dự án Công viên tưởng niệm các giáo viên và học sinh đã hy sinh ngày 14/6/1972 tại đê sông Mã, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, QLXDCT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thị Yến**